

**Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. S. O.

S.G.C.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười ba lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 2 tháng 12 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên
	Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên
	Ông Nguyễn Bá Chủ	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 11 năm 2014)
	Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 10 năm 2014)
	Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 10 năm 2014)
	Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
	Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Nông nghiệp

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
	Ông Lê Văn Hòa	Thành viên

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Xã Tân Hưng
Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đặng Huỳnh Ước My
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con (“Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 61. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của đơn vị và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo Soát xét số: 15-01-104



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.014.969.111.168	2.022.213.806.741
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	151.695.804.339	258.582.561.758
Tiền	111		26.695.804.339	258.582.561.758
Các khoản tương đương tiền	112		125.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	178.967.014.352	96.016.483.079
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		179.574.723.341	122.188.965.070
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(607.708.989)	(26.172.481.991)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	1.039.791.215.653	1.022.253.075.770
Phải thu khách hàng	131		269.626.441.104	283.177.884.083
Trả trước cho người bán	132		648.006.996.028	610.114.801.259
Các khoản phải thu khác	135		151.012.997.216	160.743.216.447
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(28.855.218.695)	(31.782.826.019)
Hàng tồn kho	140	8	576.399.141.682	613.061.630.838
Hàng tồn kho	141		576.641.698.569	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		68.115.935.142	32.300.055.296
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	51.822.017.893	28.955.488.757
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		521.202	-
Thuế phải thu Nhà nước	154		12.663.541.152	1.536.386.539
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.629.854.895	1.808.180.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.304.792.536.754	1.355.883.081.951
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	58.149.426.368	34.788.048.229
Phải thu dài hạn khác	218		58.149.426.368	34.788.048.229
Tài sản cố định	220		632.486.734.722	600.304.488.586
Tài sản cố định hữu hình	221	10	483.510.230.814	515.883.717.417
Nguyên giá	222		1.712.486.267.236	1.703.505.216.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.228.976.036.422)	(1.187.621.498.585)
Tài sản cố định vô hình	227	11	40.444.574.009	40.836.847.665
Nguyên giá	228		51.358.251.971	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.913.677.962)	(10.271.894.306)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	108.531.929.899	43.583.923.504

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	573.231.153.995	694.377.230.823
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		497.614.374.698	618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác	258		75.685.112.384	75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(68.333.087)	(69.083.087)
Tài sản dài hạn khác	260		40.925.221.669	26.413.314.313
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	39.874.478.140	25.398.671.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.050.743.529	1.014.642.696
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.319.761.647.922	3.378.096.888.692
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.517.111.254.960	1.644.050.764.039
Nợ ngắn hạn	310		1.460.999.717.960	1.564.580.556.039
Vay ngắn hạn	311	16	1.238.213.327.063	1.403.047.758.331
Phải trả người bán	312	17	97.955.041.377	70.009.425.207
Người mua trả tiền trước	313	18	69.331.851.508	48.363.947.151
Thuế phải nộp Nhà nước	314	19	160.818.243	4.388.001.365
Phải trả người lao động	315		-	2.205.023.120
Chi phí phải trả	316	20	14.045.235.740	10.146.426.957
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	17.034.414.597	4.069.856.415
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	24.259.029.432	22.350.117.493
Vay dài hạn	330		56.111.537.000	79.470.208.000
Vay dài hạn	334	23	56.111.537.000	79.470.208.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.802.593.445.422	1.734.046.124.653
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.802.593.445.422	1.734.046.124.653
Vốn cổ phần	411	25	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	414	25	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	417		125.609.421.786	120.999.110.932
Quỹ dự phòng tài chính	418		101.816.231.999	99.511.076.572
Quỹ khác	419		(4.960.381.269)	(4.960.381.269)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		141.973.371.939	80.341.517.451
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	56.947.540	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		3.319.761.647.922	3.378.096.888.692

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)


Mẫu B 01a – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2014	30/6/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (KG)		1.567.000	1.617.365
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		16.244.589.615	9.155.696.273
Ngoại tệ (Đô la Mỹ - USD)		996	2.785


Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Người lập:


Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	28	957.447.351.728	1.309.246.393.497
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	2.512.902.788	1.605.556.369
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	954.934.448.940	1.307.640.837.128
Giá vốn hàng bán	11	29	857.332.217.323	1.149.246.926.740
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		97.602.231.617	158.393.910.388
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	48.911.228.865	62.179.276.255
Chi phí tài chính	22	31	32.594.875.143	28.443.229.132
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>44.204.174.291</i>	<i>46.700.913.704</i>
Chi phí bán hàng	24		30.679.921.364	30.272.491.983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.895.080.412	32.503.631.177
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		54.343.583.563	129.353.834.351
Thu nhập khác	31		6.078.096.909	4.342.517.224
Chi phí khác	32		1.433.951.513	367.423.138
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.644.145.396	3.975.094.086
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, giá trị thuần	45	13	24.173.983.366	11.122.031.620
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		83.161.712.325	144.450.960.057
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	10.238.753.816	27.090.185.721
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(36.100.833)	(3.479.078.396)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		72.959.059.342	120.839.852.732

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN


	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		72.959.059.342	120.839.852.732
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		56.947.540	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		72.902.111.802	120.839.852.732
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	508	858

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Người lập:


 Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Thanh Ngự
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		83.161.712.325	144.450.960.057
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		43.603.700.962	43.676.308.773
Các khoản dự phòng	03		(21.400.863.104)	(21.223.203.007)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(1.115.909.091)	(2.098.047.999)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	100.000.000
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	05		8.955.395.899	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	05		90.785.905	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, giá trị thuần	05		(24.173.983.366)	(11.122.031.620)
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho các bên liên quan	05		(29.635.037.025)	(31.487.268.367)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05		(16.151.987.002)	(24.735.494.559)
Thu nhập cổ tức	05		(2.998.602.000)	(5.918.359.000)
Chi phí lãi vay	06		44.204.174.291	46.700.913.704
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		84.539.387.794	138.343.777.982
Biến động các khoản phải thu	09		(46.212.676.511)	(297.610.461.891)
Biến động hàng tồn kho	10		41.336.862.345	579.908.992.571
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		56.680.214.962	187.374.795.563
Biến động chi phí trả trước	12		(16.821.411.871)	12.790.331.110
			119.522.376.719	620.807.435.335
Tiền lãi vay đã trả	13		(45.281.394.721)	(47.899.132.300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(1.779.336.744)	(4.069.303.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		58.461.645.254	558.838.999.538

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	21		(92.769.070.436)	(49.880.868.008)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.115.909.091	2.186.829.407
Tiền chi cho các bên liên quan vay	23		(283.000.000.000)	(160.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản cho các bên liên quan vay	24		238.960.577.469	325.652.791.317
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24		750.000	264.846.700
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(180.434.950.000)
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25		(8.723.909.246)	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	26		2.058.400.000	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	26		118.267.000.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		47.558.273.667	32.749.577.971
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		23.467.930.545	(29.461.772.613)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31		-	65.742.000.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31		-	64.144.982.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.474.156.264.668	1.128.131.987.469
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.662.349.366.936)	(1.474.490.684.548)
Tiền chi trả cổ tức	36		(623.230.950)	(70.782.521.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(188.816.333.218)	(287.254.236.479)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(106.886.757.419)	242.122.990.446
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		258.582.561.758	35.662.666.763
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	151.695.804.339	277.785.657.209

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Cơ cấu của Tập đoàn như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			31/12/2014	30/6/2014
<i>Công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (“TTCE”)	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.	Giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014.	90%	90%

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			31/12/2014	30/6/2014
<i>Các công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (“TTCIZ”)	Xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008.	49,00%	49,45%
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001.	21,64%	21,64%
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”)	Sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.	Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005.	23,95%	23,95%

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/6/2014	31/12/2013
Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”)	Sản xuất đường, bánh kẹo, cốm, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cốm và không có cốm, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí.	Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000.	24,89%	24,89%
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Mía đường Gia Lai”)	Sản xuất đường và các phụ phẩm từ mía đường để bán; trồng mía; sản xuất điện để bán; thiết kế công trình dân dụng; chế biến sản phẩm nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và đầu tư tài chính.	Giấy phép Kinh doanh số 5900421955 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2009.	-	23,69%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (“Hóa chất Tây Ninh”)	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 3900914957 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 1 năm 2013.	27,85%	26,32%
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.	Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	24,00%	24,00%

(*) Trong kỳ, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với số tiền thu được là 118.267 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 17 tháng 9 năm 2014, các cổ đông đã thông qua việc cho Công ty sở hữu 100% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) bằng cách phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho các cổ đông hiện tại của SEC với tỉ lệ hoán đổi là 1:1,05. Ngày 22 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 37.142.739 cổ phiếu cho giao dịch trên và việc sáp nhập dự kiến sẽ hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 688 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 189 nhân viên (30/6/2014: 508 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau ngày thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, ngoài các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị nhận đầu tư phát sinh sau ngày Tập đoàn mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày đơn vị được Tập đoàn mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Trong khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân trồng mía và được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 10 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Giám đốc Tập đoàn cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Tập đoàn không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Tập đoàn cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tập đoàn đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- các khoản mà Tập đoàn nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phân ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ cost

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu tiền lãi

Doanh thu tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả các công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết và các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên quan với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Tiền mặt	4.233.133.953	1.630.674.379
Tiền gửi ngân hàng	22.462.670.386	256.951.887.379
Các khoản tương đương tiền	125.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	151.695.804.339	258.582.561.758

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu Cho công ty liên kết vay, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (“TTCIZ”)	6.574.723.341	-
Cho cổ đông vay, Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTC”)	-	122.188.965.070
	173.000.000.000	-
	179.574.723.341	122.188.965.070
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(607.708.989)	(26.172.481.991)
	178.967.014.352	96.016.483.079

Khoản cho TTCIZ vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 12% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 12%). Khoản lãi lũy kế phát sinh trong kỳ là 6.771.612.399 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 19.783.457.267 VND) đã được chuyển đổi thành nợ gốc vay. TTCIZ đã thanh toán đầy đủ khoản vay trong kỳ.

Khoản cho TTC vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm 8,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: không).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	122.188.965.070	317.333.585.369
Tăng trong kỳ	298.495.521.645	179.783.457.267
Thanh lý	(2.149.185.905)	-
Thu hồi trong kỳ	(238.960.577.469)	(325.652.791.317)
Số dư cuối kỳ	179.574.723.341	171.464.251.319

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	26.172.481.991	48.287.858.994
Tăng trong kỳ	607.708.989	-
Hoàn nhập	(26.172.481.991)	(21.535.590.709)
Số dư cuối kỳ	607.708.989	26.752.268.285

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	3.584.250.000	61.881.972.000
Phi thương mại	628.949.814	102.988.056.975
Phải thu từ các bên liên quan khác		
Thương mại	1.649.335.475	291.664.130
Phi thương mại	-	6.787.840.584

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo lịch trình đã được các bên đồng ý.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 360.000 triệu VND và VND tương đương 11,25 triệu USD (30/6/2014: 197.500 triệu VND và VND tương đương 25,25 triệu USD) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho các bên liên quan sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Trả trước cho các cổ đông		
Thương mại	181.345.161.150	-
Trả trước cho các bên liên quan khác		
Thương mại	64.736.903.850	165.580.800.000

Khoản trả trước cho các cổ đông không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 8,2% đến 9,0% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 11,5%). Khoản trả trước cho các bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 8,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 11,5%).

Trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	277.240.122.218	397.124.797.402
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	45.051.315.180	21.363.986.000
	322.291.437.398	418.488.783.402

Trong kỳ, Tập đoàn đã ghi nhận khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 10.556.161.398 VND thông qua việc bán mía giống và phân bón (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 24.392.961.800 VND) và đã căn trừ khoản 110.998.185.045 VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 91.768.117.291 VND).

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 8,4% đến 16,5%). Các khoản trả trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày giải ngân.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Thuế phải thu liên quan đến hàng tạm nhập tái xuất	100.236.467.845	-
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	48.016.346.494	48.850.972.567
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Bao bì Thành Thành Công	878.049.999	475.001.368
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên, một cổ đông	439.166.667	404.458.334
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	189.783.147	-
Lãi phải thu từ các công ty khác	43.263.889	-
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công, một công ty liên kết	-	6.787.840.584
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	102.583.598.641
Phải thu khác	1.209.919.175	1.641.344.953
	151.012.997.216	160.743.216.447

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	45.051.315.180	21.363.986.000
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Cam Pu Chia	13.098.111.188	13.424.062.229
	58.149.426.368	34.788.048.229

Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 13.098.111.188 VND (30/6/2014: 13.424.062.229 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Tập đoàn và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Tập đoàn sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Tập đoàn cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Nguyên vật liệu	147.531.888.789	96.273.123.996
Công cụ và dụng cụ	116.448.947	160.652.368
Sản xuất kinh doanh dở dang	117.452.170.196	13.829.296.766
Thành phẩm	310.697.924.879	487.576.719.523
Hàng hóa	14.066.322	12.485.237
Hàng gửi đi bán	829.199.436	15.451.909.835
	576.641.698.569	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	576.399.141.682	613.061.630.838

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 293.750 triệu VND và VND tương đương 14,85 triệu USD (30/6/2014: 380.000 triệu VND và VND tương đương 17,85 triệu USD) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn. Theo các hợp đồng vay, khoản thế chấp hàng tồn kho tương đương 11,25 triệu USD có thể được thay thế bằng các khoản phải thu tương ứng.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm khoản 28.383.831.237 VND là chi phí bảo trì ngoài vụ, chi phí này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất của vụ mùa 2014 – 2015 (30/6/2014: không) và khoản 23.367.586.658 VND là chi phí phát triển vùng nguyên liệu; trong đó, khoản 20.864.011.047 VND sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất của vụ mùa 2014 – 2015 và khoản 2.503.575.611 VND sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất của vụ mùa tiếp theo (30/6/2014: 26.970.131.669 VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	282.064.393.766	1.336.677.203.750	21.332.977.284	5.025.310.672	58.405.330.530	1.703.505.216.002
Tăng trong kỳ	119.511.527	5.857.271.817	4.978.789.999	-	-	10.955.573.343
Thanh lý	-	-	(1.974.522.109)	-	-	(1.974.522.109)
Số dư cuối kỳ	282.183.905.293	1.342.534.475.567	24.337.245.174	5.025.310.672	58.405.330.530	1.712.486.267.236
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	150.886.142.039	962.849.612.830	11.291.648.322	4.243.351.629	58.350.743.765	1.187.621.498.585
Khấu hao trong kỳ	5.069.041.125	36.733.453.672	1.309.760.166	202.109.602	14.695.381	43.329.059.946
Thanh lý	-	-	(1.974.522.109)	-	-	(1.974.522.109)
Số dư cuối kỳ	155.955.183.164	999.583.066.502	10.626.886.379	4.445.461.231	58.365.439.146	1.228.976.036.422
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	131.178.251.727	373.827.590.920	10.041.328.962	781.959.043	54.586.765	515.883.717.417
Số dư cuối kỳ	126.228.722.129	342.951.409.065	13.710.358.795	579.849.441	39.891.384	483.510.230.814

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 229.556 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 227.518 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 184.172 triệu VND (30/6/2014: 197.392 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.483.754.819	3.624.987.152	51.108.741.971
Tăng trong kỳ	-	249.510.000	249.510.000
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.874.497.152	51.358.251.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.170.349.887	3.101.544.419	10.271.894.306
Khấu hao trong kỳ	528.197.094	113.586.562	641.783.656
Số dư cuối kỳ	7.698.546.981	3.215.130.981	10.913.677.962
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	40.313.404.932	523.442.733	40.836.847.665
Số dư cuối kỳ	39.785.207.838	659.366.171	40.444.574.009

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 4.361 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 4.360 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 7.502 triệu VND (30/6/2014: 40.313 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	43.583.923.504	33.627.433.919
Tăng trong kỳ	85.468.930.183	39.252.437.104
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(13.460.406.630)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(20.520.923.788)	-
Xóa sổ	-	(100.000.000)
Số dư cuối năm	108.531.929.899	59.319.464.393

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	64.354.946.081	30.756.242.003
Dự án Silo 2000 tấn	14.021.720.230	-
Nâng cấp máy móc thiết bị	16.295.566.883	-
Khác	13.859.696.705	12.827.681.501
Tổng cộng	108.531.929.899	43.583.923.504

Trong kỳ, chi phí khấu hao được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 367.142.640 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 367.142.640 VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014				30/6/2014			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công	24.500.000	49,00%	49,00%	180.485.879.074	24.500.000	49,45%	49,45%	162.549.095.834
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	13.630.296	21,64%	21,64%	187.091.128.989	13.630.296	21,64%	21,64%	195.453.847.206
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	-	-	-	-	9.240.000	23,69%	23,69%	127.222.395.899
▪ Công ty Cổ phần Đường La Ngà	2.040.802	24,89%	24,89%	42.953.441.897	2.040.802	24,89%	24,89%	45.908.947.434
▪ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	1.389.302	23,95%	23,95%	49.438.601.426	1.389.302	23,95%	23,95%	49.329.042.679
▪ Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	3.157.920	27,85%	27,85%	30.583.329.762	3.157.920	26,32%	26,32%	31.167.193.138
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	720.000	24,00%	24,00%	7.061.993.550	720.000	24,00%	24,00%	7.129.929.336
				497.614.374.698				618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác								
▪ Đầu tư cổ phiếu				74.915.050.000				74.915.050.000
▪ Đầu tư dài hạn khác				770.062.384				770.812.384
				75.685.112.384				75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(68.333.087)				(69.083.087)
				573.231.153.995				694.377.230.823

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Đầu tư cổ phiếu bao gồm:

	31/12/2014		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Đường Ninh Hòa”)	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, 13.630.296 cổ phiếu của Đường Biên Hòa và 2.996.602 cổ phiếu của Đường Ninh Hòa (30/6/2014: 10.135.148 cổ phiếu của Đường Biên Hòa, 4.200.000 cổ phiếu của Mía đường Gia Lai và 2.996.602 cổ phiếu của Đường Ninh Hòa) với giá trị ghi sổ là 224.549 triệu VND (30/6/2014: 241.159 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn cũng đã thế chấp toàn bộ cổ phiếu của TTCIZ với Ngân hàng TMCP Phương Đông để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của TTCIZ.

Biến động đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Đầu tư vào các công ty liên kết		Đầu tư dài hạn khác	
	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	618.760.451.526	385.166.789.403	75.685.862.384	94.883.963.904
Tăng đầu tư trong kỳ	-	124.930.680.000	-	55.504.270.000
Chuyển từ đầu tư dài hạn khác sang đầu tư vào các công ty liên kết	-	74.361.375.000	-	(74.361.375.000)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	25.768.746.317	14.548.815.811	-	-
Phân bổ các quỹ	(1.716.903.368)	-	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(4.552.232.772)	(3.426.784.191)	-	-
Cổ tức nhận được	(13.630.296.000)	(6.186.178.000)	-	-
Lợi nhuận đã thực hiện/(chưa thực hiện)	207.004.894	(6.812.022.542)	-	-
Thanh lý	(127.222.395.899)	-	-	-
Thu hồi các khoản đầu tư	-	-	(750.000)	(264.846.700)
Số dư cuối kỳ	497.614.374.698	582.582.675.481	75.685.112.384	75.762.012.204

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	69.083.087	410.079.607
Hoàn nhập	(750.000)	(338.346.700)
Số dư cuối kỳ	68.333.087	71.732.907

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	25.398.671.617	9.797.388.459
Tăng trong kỳ	18.081.175.152	1.013.274.082
Phân bổ trong kỳ	(3.605.368.629)	(9.257.550.814)
Số dư cuối kỳ	39.874.478.140	1.553.111.727

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

16. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Vay ngắn hạn	1.190.627.985.063	1.355.634.416.331
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	47.585.342.000	47.413.342.000
	1.238.213.327.063	1.403.047.758.331

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	4,5%	148.000.000.000	115.700.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	5,5% - 7,0%	216.927.216.206	241.900.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	5,5% - 6,3%	140.945.196.906	210.261.706.000
• Ngân hàng TMCP Quốc tế (iv)	VND	5,9% - 7,0%	138.549.453.952	118.187.023.200
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	VND	4,5% - 6,0%	212.706.069.183	227.823.633.121
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	USD	3,0%	52.527.870.000	-
• Ngân hàng TNHH Thương mại Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	5,5% - 6,4%	33.400.000.000	60.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	5,6% - 6,4%	59.982.178.816	59.599.731.492
• Ngân hàng TMCP Quân đội (viii)	VND	5,5% - 6,6%	100.000.000.000	94.200.000.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ix)	VND	4,0% - 4,5%	20.000.000.000	89.432.352.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu (x)	VND	5,5%	50.000.000.000	-
• Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	VND	6,0% - 6,5%	-	62.976.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	VND	6,5% - 6,6%	-	57.533.970.518
• Khoản vay không đảm bảo từ các nhân viên	VND	8,5%	14.350.000.000	18.020.000.000
• Khoản vay không đảm bảo từ Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh	VND	0%	3.240.000.000	-
			1.190.627.985.063	1.355.634.416.331

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/6/2014: 14 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 185.000 triệu VND (30/6/2014: quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 32.652 triệu VND và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lần lượt là 97.500 triệu VND và 14 triệu USD).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (30/6/2014: 250.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 120.544 triệu VND và 7.502 triệu VND (30/6/2014: 125.001 triệu VND và 7.661 triệu VND). Khoản vay này còn được bảo lãnh bằng 1.000.000 cổ phiếu (30/6/2014: 1.000.000 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và 2.996.602 cổ phiếu (30/6/2014: 2.996.602 cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa với giá trị ghi sổ là 51.184 triệu VND (30/6/2014: 51.961 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/6/2014: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ mỗi khoản tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 11,25 triệu USD (30/6/2014: 11,25 triệu USD và 11,25 triệu USD).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (30/6/2014: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 150.000 triệu VND và 100.000 triệu VND (30/6/2014: 150.000 triệu VND và 100.000 triệu VND).
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (30/6/2014: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 63.628 triệu VND (30/6/2014: 72.391 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD (30/6/2014: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3,6 triệu USD (30/6/2014: 3,6 triệu USD).
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (30/6/2014: 60.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 143.750 triệu VND (30/6/2014: 144.000 triệu VND).
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 75.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Phải trả các cổ đông	1.995.149.674	17.929.137.249
Phải trả các bên liên quan khác	13.325.836.618	-

Khoản phải trả thương mại cho các cổ đông và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo lịch trình đồng ý giữa các bên.

18. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	61.920.710.000	45.695.210.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công, một bên liên quan để mua mật đường	-	120.400.000
Các khách hàng khác	7.411.141.508	2.548.337.151
	69.331.851.508	48.363.947.151

Khoản tạm ứng từ bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Số dư phản ánh khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Tập đoàn và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Theo hợp đồng này, Tập đoàn đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng của Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.433.329.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.574.868	-
Thuế thu nhập cá nhân	243.375	954.671.420
	160.818.243	4.388.001.365

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

20. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	4.577.746.760	5.055.191.305
Chi phí xây dựng	3.537.800.450	-
Chi phí lãi vay	1.621.877.482	2.699.097.912
Phép năm không sử dụng	572.265.930	574.018.820
Chi phí khác	3.735.545.118	1.818.118.920
	14.045.235.740	10.146.426.957

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía	13.771.167.336	1.576.076.357
Phải trả cho Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	452.260.335	408.948.935
Phải trả khác	1.610.986.926	884.831.123
	17.034.414.597	4.069.856.415

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	22.350.117.493	20.516.524.202
Tăng trong kỳ	3.688.248.683	-
Sử dụng trong kỳ	(1.779.336.744)	(4.069.303.497)
Số dư cuối kỳ	24.259.029.432	16.447.220.705

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

23. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn	103.696.879.000	126.883.550.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(47.585.342.000)	(47.413.342.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	56.111.537.000	79.470.208.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn được đảm bảo:					
• Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh (i)	VND	9,6%	2016	2.107.000.000	2.633.000.000
• Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh (i)	VND	9,6%	2016	3.800.000.000	4.750.000.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu (ii)	VND	9,5% - 10,5%	2016	41.862.000.000	52.328.500.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu (ii)	VND	9,5% - 10,5%	2016	42.283.000.000	52.854.000.000
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
• Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh (iii)	VND	4,62%	2020	13.124.879.000	14.318.050.000
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	VND	0%	2017	520.000.000	-
				103.696.879.000	126.883.550.000

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.700 triệu VND (30/6/2014: 10.700 triệu VND). Số dư 2.107.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 7 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số dư 3.800.000.000 VND của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 8 quý bằng nhau, mỗi quý trả 475 triệu VND. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị là 2.500 triệu VND (30/6/2014: 2.500 triệu VND) và Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với giá trị là 2.850 triệu VND (30/6/2014: 2.850 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (30/6/2014: 120.000 triệu VND). Số dư 41.862.000.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 3 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.466 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.462 triệu VND vào ngày 20 tháng 11 năm 2016. Số dư 42.283.000.000 của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 3 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.571 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.570 triệu VND vào ngày 20 tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng 12.630.296 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (30/6/2014: 9.135.148 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và 4.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai) với giá trị ghi sổ là 183.179 triệu VND (30/6/2014: 189.198 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (30/6/2014: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 11 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/6/2014: không). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được hoàn trả trong 11 quý bằng nhau, mỗi quý trả 43 triệu VND và quý cuối cùng trả 47 triệu VND vào ngày 14 tháng 11 năm 2017.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2013	1.419.258.000.000	13.818.011.060	(104.508.192.093)	97.098.444.233	87.560.743.223	(4.960.381.269)	109.661.733.906	1.617.928.359.060
Phát hành vốn cổ phần	65.742.000.000	-	-	-	-	-	-	65.742.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	913.988.950	42.930.993.050	-	-	-	-	43.844.982.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	120.839.852.732	120.839.852.732
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(71.753.080.000)	(71.753.080.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	(4.960.381.269)	158.748.506.638	1.776.602.113.792
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	47.651.081.870	47.651.081.870
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	23.900.666.699	11.950.333.349	-	(54.971.533.407)	(19.120.533.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(71.086.537.650)	(71.086.537.650)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	(4.960.381.269)	80.341.517.451	1.734.046.124.653
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	72.902.111.802	72.902.111.802
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	4.610.310.854	2.305.155.427	-	(10.603.714.964)	(3.688.248.683)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	125.609.421.786	101.816.231.999	(4.960.381.269)	141.973.371.939	1.802.593.445.422

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(4.993.840)	(49.938.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014		Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	133.450.410	1.334.504.100.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-	6.574.200	65.742.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	3.481.550	34.815.500.000
Số dư cuối kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	61.577.199.043	104.508.192.093
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(42.930.993.050)
Số dư cuối kỳ	61.577.199.043	61.577.199.043

26. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Tập đoàn.

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	56.947.540	-
Số dư cuối kỳ	56.947.540	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

28. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	891.542.017.602	1.251.597.276.930
▪ Bán mật đường	40.252.337.896	18.312.241.523
▪ Bán điện	13.585.787.100	12.683.510.800
▪ Bán phân bón	9.032.485.059	19.099.619.299
▪ Khác	3.034.724.071	7.553.744.945
	<hr/> 957.447.351.728	<hr/> 1.309.246.393.497
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	2.512.902.788	1.605.556.369
Doanh thu thuần	<hr/> 954.934.448.940	<hr/> 1.307.640.837.128

29. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Giá vốn đường	792.759.764.128	1.097.587.780.542
Giá vốn mật đường	39.940.884.736	17.372.795.810
Giá vốn điện	13.554.411.548	11.593.270.271
Giá vốn phân bón	9.132.129.350	18.091.981.507
Khác	1.945.027.561	4.601.098.610
	<hr/> 857.332.217.323	<hr/> 1.149.246.926.740

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	16.151.987.002	24.735.494.559
Lãi tiền gửi ngân hàng	113.689.880	202.657.787
Lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	29.521.347.145	31.284.610.580
Cổ tức	2.998.602.000	5.918.359.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	83.932.342	38.154.329
Lãi từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	41.670.496	-
	48.911.228.865	62.179.276.255

31. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	44.204.174.291	46.700.913.704
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(25.565.523.002)	(21.873.937.409)
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	4.164.659.898	650.734.402
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	8.955.395.899	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	132.456.401	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	517.181.156	1.032.619.768
Chi phí khác	186.530.500	1.932.898.667
	32.594.875.143	28.443.229.132

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.238.753.816	27.090.185.721
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(36.100.833)	(3.479.078.396)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.202.652.983	23.611.107.325

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	83.161.712.325	144.450.960.057
Thuế tính theo thuế suất áp dụng của Công ty	8.316.171.233	14.445.096.006
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	40.661.629	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	11.405.650.201
Chi phí không được khấu trừ thuế	87.606.032	-
Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	2.058.074.289	(1.647.802.982)
Thu nhập không chịu thuế	(299.860.200)	(591.835.900)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.202.652.983	23.611.107.325

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp trước khi được miễn giảm là 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 72.902 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 120.839 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 143.506.160 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 140.885.132), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	72.902.111.802	120.839.852.732

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	143.506.160	133.450.410
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	6.132.867
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong kỳ	-	1.301.855
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ	143.506.160	140.885.132

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn, trả trước cho nông dân trồng mía và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	147.462.670.386	256.951.887.379
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(**)	173.000.000.000	96.016.483.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	410.770.439.753	443.257.204.000
Trả trước cho nông dân trồng mía	(****)	303.305.217.270	400.793.916.142
		1.034.538.327.409	1.197.019.490.600

(*) *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

() *Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản vay cấp cho cổ đông. Tập đoàn có thể chịu rủi ro tín dụng nếu cổ đông không có khả năng trả nợ. Ban Giám đốc đối phó với những rủi ro này bằng cách liên tục giám sát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của cổ đông. Ban Giám đốc tin rằng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Quá hạn từ 0 – 180 ngày	-	8.899.550.712
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	-	18.104.214.644
Quá hạn trên 365	-	69.012.717.723
		- 96.016.483.079

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu tài sản đảm bảo cho mỗi đơn đặt hàng đối với một số khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	23.249.664.049	25.238.516.053
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.923.354.487	50.001.046.737
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	4.084.185.787	10.926.711.926
Quá hạn trên 365 ngày	608.632.171	549.742.421
	<hr/>	<hr/>
	29.865.836.494	86.716.017.137
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(**) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản trả trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Người nông dân có số dư quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản trả trước mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	19.036.126.260	2.212.686.010
Quá hạn trên 365 ngày	1.489.050.023	754.835.157
	20.525.176.283	2.967.521.167

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	31.782.826.019	25.374.028.291
Tăng dự phòng trong kỳ	4.164.659.898	650.734.402
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(7.092.267.222)	(3.679.154.393)
Số dư cuối kỳ	28.855.218.695	22.345.608.300

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.190.627.985.063	1.211.384.124.659	1.211.384.124.659	-	-	-
Phải trả người bán	97.955.041.377	97.955.041.377	97.955.041.377	-	-	-
Chi phí phải trả	14.045.235.740	14.045.235.740	14.045.235.740	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.034.414.597	17.034.414.597	17.034.414.597	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	103.696.879.000	115.277.557.162	54.729.805.935	50.522.274.795	8.804.285.858	1.221.190.574
	1.423.359.555.777	1.455.696.373.535	1.395.148.622.308	50.522.274.795	8.804.285.858	1.221.190.574

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.355.634.416.331	1.381.906.561.814	1.381.906.561.814	-	-	-
Phải trả người bán	70.009.425.207	70.009.425.207	70.009.425.207	-	-	-
Phải trả người lao động	2.205.023.120	2.205.023.120	2.205.023.120	-	-	-
Chi phí phải trả	10.146.426.957	10.146.426.957	10.146.426.957	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.069.856.415	4.069.856.415	4.069.856.415	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	126.883.550.000	146.753.552.479	58.103.400.428	53.525.982.004	32.653.765.278	2.470.404.769
	1.568.948.698.030	1.615.090.845.992	1.526.440.693.941	53.525.982.004	32.653.765.278	2.470.404.769

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán hàng, mua hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	30/6/2014 USD
Tiền	996	201
Phải thu khách hàng	2.449.945	276.705
Vay ngắn hạn	(2.454.000)	-
Phải trả người bán	(23.025)	-
	(26.084)	276.906

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
1 USD	21.405	21.300

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND
31/12/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(5.024.952)
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	54.127.670

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	125.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	173.000.000.000	96.016.483.079
Vay dài hạn	(19.031.879.000)	(21.701.050.000)
	<hr/> 278.968.121.000	<hr/> 74.315.433.079
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	22.462.670.386	256.951.887.379
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	258.253.902.090	379.429.930.142
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	45.051.315.180	21.363.986.000
Vay ngắn hạn	(1.190.627.985.063)	(1.355.634.416.331)
Vay dài hạn	(84.665.000.000)	(105.182.500.000)
	<hr/> (949.525.097.407)	<hr/> (803.071.112.810)

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm 8.546 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (30/6/2014: 7.227 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	151.695.804.339	258.582.561.758
- Đầu tư ngắn hạn	173.000.000.000	96.016.483.079
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	410.770.439.753	443.257.204.000
- Trả trước cho nông dân trồng mía	303.305.217.270	400.793.916.142
- Đầu tư dài hạn khác	770.062.384	770.812.384
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	5.967.014.352	-
- Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu	74.915.050.000	74.915.050.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Vay ngắn hạn	1.190.627.985.063	1.355.634.416.331
- Phải trả người bán và phải trả khác	114.989.455.974	74.079.281.622
- Nợ ngắn hạn khác	14.045.235.740	12.351.450.077
- Vay dài hạn	103.696.879.000	126.883.550.000

Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác, trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Vay dài hạn, trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía và đầu tư dài hạn khác:

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 5.967.014.352 VND và 74.915.050.000 VND (30/6/2014: không và 73.716.409.200 VND).

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	62.067.512.370	53.943.464.009
Cho vay	223.000.000.000	100.000.000.000
Trả trước mua đường và mật đường	121.600.000.000	67.200.000.000
Chi trả cổ tức	-	52.871.400.000
Thu nhập lãi	6.185.724.934	4.690.454.736
Chi phí lãi vay	-	1.062.639.417
Chi phí quản lý	4.332.061.622	5.855.960.710
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên		
Mua hàng hóa	7.807.991.922	1.696.210.477
Trả trước cho mua hàng hóa	60.098.000.000	-
Bán cổ phiếu	23.125.000.000	-
Cho vay	-	60.000.000.000
Thu nhập lãi vay	1.452.791.668	-
Chi trả cổ tức	-	52.583.505.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa và dịch vụ	885.790.247	1.220.398.968
Mua hàng hóa	73.074.117.285	641.464.046
Thu nhập lãi vay	917.184.943	4.937.333.332
Thu nhập từ cho thuê xe tải	98.181.819	98.181.819
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công		
Thu nhập lãi	13.748.311.820	18.435.284.453
Nợ vay gốc nhận được	128.960.577.469	165.652.791.317
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	-	6.505.781.144
Mua hàng hóa	70.050.227.853	34.204.323.292
Chi phí gia công	1.113.000.000	852.859.495
Chi phí bảo quản kho	34.403.748	23.494.948
Cổ tức nhận được	13.630.296.000	3.407.574.000
Góp vốn cổ phần	-	68.151.480.000
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Mua đường thô	-	8.233.333
Cổ tức nhận được	-	4.489.764.400

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công		
Mua mía nguyên liệu	789.966.000	3.861.000
Thu nhập từ cho thuê đất	-	240.000.000
Mua mía giống	45.727.500	-
Chi phí phân tích đất	295.000.000	69.615.000
Bán hàng hóa	75.990.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Cổ tức nhận được	-	2.778.604.000
Bán mía giống	1.301.860.000	1.452.329.500
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		
Góp vốn cổ phần	-	31.579.200.000
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai		
Góp vốn cổ phần	-	25.200.000.000
Cổ tức nhận được	-	5.460.000.000
Cho vay	10.000.000.000	-
Bán hàng hóa	720.627.064	-
Thu nhập lãi vay	406.666.667	-
Mua dịch vụ	368.237.066	-
Bán công cụ và dụng cụ	153.797.394	-
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.813.200.852	1.970.787.996

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi phải thu chuyển đổi thành nợ gốc vay	6.771.612.399	19.783.457.267
Lãi phải thu cần trừ với các khoản phải trả người bán	14.830.693.724	11.261.855.655
Mua xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	3.537.800.450	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

37. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	662.760.501.028	667.319.552.785
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	98.201.723.664	7.750.800.000
	760.962.224.692	675.070.352.785

(*) Các cam kết vốn chính đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

	31/12/2014 VND
Dự án Ethanol	454.451.036.785
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	203.131.448.518
Dự án Silo 2000 tấn	478.015.725
Khác	4.700.000.000
	662.760.501.028

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	553.021.372	852.231.908
Từ hai đến năm năm	314.051.124	469.806.938
	867.072.496	1.322.038.846

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)


Mẫu B 09a – DN/HN

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	660.591.621.808	1.051.336.715.431
Chi phí nhân công và nhân viên	38.301.843.019	43.933.656.131
Chi phí khấu hao và phân bổ	43.603.700.962	43.676.308.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.684.588.467	37.385.542.848
Chi phí khác	37.363.160.718	36.057.969.357


Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Người lập:


Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

